

Đề cương tuyên truyền:

Kỷ niệm năm đoàn kết hữu nghị Việt Nam - Lào 2012

Năm 2012 là năm Việt Nam và Lào tổ chức kỷ niệm 50 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao (05/9/1962 - 05/9/2012) và 35 năm Ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác (18/7/1977 - 18/7/2012)

Trong lịch sử quan hệ quốc tế từ xưa tới nay, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là một điển hình, một tấm gương mẫu mực, hiếm có về sự gắn kết bền chặt, thủy chung, trong sáng và đầy hiệu quả giữa hai dân tộc đấu tranh vì độc lập, tự do và tiến bộ xã hội. Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam phát triển từ quan hệ truyền thống, do Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nền móng và chính Người cùng đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hản, đồng chí Xu-pha-nu-vông và các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước dày công vun đắp. Trải qua nhiều thử thách, gian khổ, hy sinh vì độc lập, tự do, hạnh phúc của hai dân tộc và nhân dân hai nước, quan hệ Việt Nam - Lào đã trở thành quy luật sống còn và sức mạnh kỳ diệu đưa tới nhiều thắng lợi vĩ đại của Việt Nam và Lào trong đấu tranh giải phóng dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ đất nước và cùng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

I. DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN ĐÔNG DƯƠNG, HAI DÂN TỘC VIỆT NAM VÀ LÀO ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP, TỰ DO (1930 - 1945)

1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM – LÀO

Quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào bắt nguồn từ vị trí địa - chiến lược và bản sắc văn hóa có những nét tương đồng của hai nước:

- Cùng tựa lưng vào dãy Trường Sơn hùng vĩ.

- Nhân dân hai nước giàu lòng nhân ái, bao dung và văn hóa của hai dân tộc có nhiều nét tương đồng.

- Nhân dân hai nước có truyền thống bang giao hòa hiếu, mưu mang đùm bọc lẫn nhau từ lâu đời, cuối thế kỷ XIX cùng bị thực dân Pháp xâm lược và đặt ách cai trị tàn bạo.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm xác định con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và dân tộc Lào.

Nét nổi bật là: trong quá trình tìm đường cứu nước, Nguyễn ái Quốc rất quan tâm đến tình hình Lào. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp sáng lập vào tháng 6 năm 1925 tại Quảng Châu (Trung Quốc), đến tháng 2 năm 1927, Hội này gây dựng được cơ sở tại Lào. Năm 1928, đích thân Người bí mật tổ chức khảo sát thực địa tại Lào. Cũng trong năm này, chi bộ Thanh niên cộng sản đầu tiên được thành lập tại Viêng Chăn, đồng thời đường dây liên lạc giữa nhiều thị trấn ở Lào với Việt Nam được tổ

chức. Như vậy, Lào chính là địa bàn đầu tiên trên hành trình trở về Đông Dương của Nguyễn Ái Quốc, nơi bổ sung những cơ sở thực tiễn mới cho công tác chính trị, tư tưởng và tổ chức của Người về phong trào giải phóng dân tộc ở ba nước Đông Dương.

2. ĐOÀN KẾT ĐẦU TRANH CHÔNG CHẾ ĐỘ THUỘC ĐỊA (1930 – 1939)

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (3-2-1930) mở đầu những trang sử vẻ vang của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Tháng 10-1930, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Hội nghị thông qua những văn kiện quan trọng, xác lập các nguyên tắc, phương hướng, đường lối chính trị và những nhiệm vụ cơ bản cho phong trào cách mạng của ba dân tộc ở Đông Dương. Hội nghị đã đặt phong trào cách mạng Việt Nam và phong trào cách mạng Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Tháng 9-1934, Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời Ai Lao (tức Xứ uỷ lâm thời Ai Lao) được thành lập là một dấu mốc quan trọng trong lịch sử đấu tranh yêu nước của nhân dân các bộ tộc Lào, khẳng định trên thực tế vai trò lãnh đạo của Đảng bộ Lào đối với cách mạng Lào cũng như đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ giữa phong trào cách mạng hai nước Việt Nam - Lào.

Trong những năm 1930-1939, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, các cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam và Lào đã ảnh hưởng lẫn nhau, góp phần thúc đẩy sự phát triển phong trào cách mạng mỗi nước.

3. GIÚP NHAU ĐẦU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN THẮNG LỢI (1939 -1945)

Trước sự tồn vong của vận mệnh các dân tộc Đông Dương, Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương liên tiếp tổ chức các cuộc hội nghị quan trọng để bàn chủ trương và biện pháp lãnh đạo phong trào đấu tranh của nhân dân đi đến thắng lợi. Đặc biệt, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 5-1941 diễn ra ở tỉnh Cao Bằng (Việt Nam) do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc chủ trì đã quyết định đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng trước tiên của cách mạng Đông Dương, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước và thành lập ở mỗi nước một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

Từ năm 1943, “*Ban vận động Việt kiều Lào – Thái*” được thành lập và nhanh chóng tiến hành gây dựng cơ sở trên địa bàn Lào. Đến năm 1944, Ban Vận động Việt kiều chuyên thành Hội Việt kiều cứu quốc. Để thống nhất chỉ đạo phong trào cách mạng, phát triển lực lượng cách mạng, những đồng chí trung kiên trong Hội Việt kiều cứu quốc thành lập *Đội Tiên phong*. Dưới sự lãnh đạo của *Đội Tiên phong*, các chi bộ Đảng ở Viêng Chăn, Bò Nèng, Thà Khéc, Savannakhet lần lượt được củng cố. Đầu năm 1945, “*Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái – Lào*”, một chi nhánh của Mặt trận Việt Minh được thành lập nhằm hưởng ứng và tham gia công cuộc giành độc lập.

Ngày 9-3-1945, phát xít Nhật đảo chính lật Pháp, độc chiếm Đông Dương, thực thi các chính sách cai trị thâm độc và tàn bạo ở cả Việt Nam và Lào. Ban Thường vụ Trung

ương Đảng Cộng sản Đông Dương họp và sau đó ban hành Chỉ thị “*Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*” chủ trương phát động cao trào kháng Nhật cứu nước làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa. Cao trào kháng Nhật cứu nước phát triển rất mạnh mẽ ở Việt Nam đã tác động và hỗ trợ tích cực, mạnh mẽ các lực lượng yêu nước Lào đấu tranh giành độc lập.

Tháng 4-1945, tại Thái Lan, nhóm người Lào đang hoạt động tại đây thành lập tổ chức “Lào Ít-xa-lạ” (Lào tự do). Tổ chức này tập hợp các công chức, học sinh có tinh thần yêu nước, chủ trương dựa vào phe Đồng Minh chống Nhật để giành độc lập.

Tháng 5-1945, một tổ chức yêu nước khác của người Lào cũng ra đời là “Lào pên Lào” (Nước Lào của người Lào), gọi tắt là “Lopolo”, gồm những công chức, trí thức, sĩ quan người Lào tập hợp nhau để đấu tranh giành độc lập cho Lào.

Đội Tiên phong, Tổng hội Việt kiều cứu quốc toàn Thái - Lào đã tiến hành liên hệ với các tổ chức “Lào Ít-xa-lạ” và “Lào trên Lào” để bàn việc phối hợp hoạt động, thu hút và tổ chức huấn luyện chính trị, quân sự cho thanh niên Lào - Việt.

Ngày 14 -8-1945, Nhật Bản đầu hàng Đồng minh vô điều kiện. Trong thời điểm lịch sử đó, Hội nghị của Đảng Cộng sản Đông Dương họp từ ngày 14 đến 15-8-1945 tại tỉnh Tuyên Quang (Việt Nam) phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Ở Việt Nam, cuộc Tổng khởi nghĩa diễn ra sôi động và kết thúc thắng lợi hoàn toàn trên cả nước trong vòng 15 ngày. Ngày 2- 9-1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra mắt quốc dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* trình trọng tuyên bố với nhân dân cả nước và thế giới khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thắng lợi của cách mạng Tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam đã đập tan bộ máy thống trị đầu não của phát xít Nhật và thực dân Pháp ở Đông Dương tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khởi nghĩa giành chính quyền của nhân dân Lào.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, kịp thời và khôn khéo của Xứ uỷ Ai Lao, ngày 23-8-1945, một cuộc mít tinh lớn diễn ra tại khu vực chợ Mới đã thúc đẩy và tạo điều kiện cho các địa phương khác trên đất Lào đứng lên khởi nghĩa thắng lợi.

Ngay sau khi nước Việt Nam dân chủ cộng hoà ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời Hoàng thân Xu-pha-nu-vông đang ở Vinh ra Hà Nội và tiếp Hoàng thân vào ngày 4-9-1945. Cuộc gặp gỡ đã có tác động mạnh mẽ, quyết định đối với Hoàng thân trong việc chọn lựa con đường làm cách mạng. Ngày 3-10-1945 tại cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân tỉnh Savannakhet đón chào: Hoàng thân Xu-pha-nu-vông trở về tham gia chính phủ Lào, Hoàng thân tuyên bố: “*Quan hệ Lào - Việt từ nay sẽ mở ra một kỷ nguyên mới*”.

Được sự giúp đỡ của Ban chỉ đạo khởi nghĩa ở Viêng Chăn, sau một thời gian hiệp thương, hai tổ chức yêu nước là Hội “Lào pên Lào” và tổ chức “Lào Ít-xa-lạ” đã hợp nhất thành lập Uỷ ban khởi sự (Kha-na Phu-co-kan), gấp rút tiến hành thành lập Chính phủ Trung ương và dự thảo Hiến pháp tạm thời.

Sáng ngày 12-10-1945, trong cuộc mít tinh lớn tại sân vận động thành phố Viêng Chăn, Chính phủ Lào Ít-xa-lạ vừa được thành lập đã làm lễ ra mắt và trình trọng tuyên bố trước toàn thể nhân dân nền độc lập của quốc gia Lào. Hàng vạn nhân dân Lào tham gia cuộc mít tinh đã phất khởi hô vang các khẩu hiệu hoan nghênh nền độc lập của Lào, hoan nghênh Chính phủ mới, cổ sục tinh thần Lào - Việt đoàn kết. Chính phủ Lào chủ trương: *“Nhân dân Lào thân thiện với nhân dân Việt Nam và quyết tâm cùng nhân dân Việt Nam đánh đuổi bọn thực dân Pháp ra khỏi Đông Dương”*

Sự ra đời của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (ngày 2-9-1945) và Chính phủ Lào Ít-xa-lạ (ngày 12-10-1945) cùng những mong muốn của hai bên về xây dựng mối quan hệ hoàn hảo và vững chãi hơn trước là một trong những cơ sở đưa tình đoàn kết, giúp đỡ nhau lên tầm liên minh chiến đấu.

II. LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO TRONG 30 NĂM CHIẾN TRANH GIẢI PHÓNG (1945-1975)

I. LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM- LÀO CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 - 1954)

Sau khi giành lại được chính quyền, Chính phủ hai nước *đã ký Hiệp ước tương trợ Lào - Việt và Hiệp định về tổ chức Liên quân Lào - Việt*, đặt Cơ sở pháp lý đầu tiên cho sự hợp tác giúp đỡ và liên minh chiến đấu chống kẻ thù chung của hai dân tộc Việt Nam - Lào.

Ngày 23 - 9 - 1945, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn, rồi mở rộng chiến tranh ra toàn cõi Đông Dương. Trước nguy cơ tồn vong nền độc lập dân tộc của ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia, ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* để chỉ đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc của ba nước Đông Dương. Chỉ thị chủ trương: *“Thống nhất mặt trận Việt - Miên - Lào chống Pháp xâm lược”*.

Trong những năm 1945-1948, liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào từng bước được hình thành, phát triển và thu được nhiều kết quả, góp phần thúc đẩy quan hệ đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào gắn bó mật thiết hơn.

Tháng 01-1949, Hội nghị cán bộ lần thứ sáu Trung ương Đảng, quyết định *“Mở rộng mặt trận Lào - Miên”*, trong đó nhấn mạnh yêu cầu mở rộng Mặt trận Kháng chiến Lào và Campuchia, củng cố các lực lượng Việt Nam làm nhiệm vụ quốc tế ở hai nước này, tăng cường thêm cán bộ, xây dựng và mở rộng các căn cứ ở Lào... Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng về Mặt trận Lào - Miên, Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội nhân dân Việt Nam xác định nhiệm vụ hỗ trợ hai nước Lào, Campuchia giải phóng khỏi ách thực dân Pháp theo phương châm: *Vận động nhân dân và để cán bộ Lào, Campuchia tự đảm trách công việc; cán bộ Việt Nam chỉ làm cố vấn; thành lập quân giải phóng Lào*. Theo tinh thần đó, Việt Nam đã cử nhiều cán bộ phối hợp với lực lượng kháng chiến Lào mở lớp huấn luyện

quân sự và học tập chính trị. Ngày 20-01-1949, Đội Lát-xa-vông được thành lập tại vùng căn cứ Xiêng Khô (Hủa-Phăn), do đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hản làm Tổng Chỉ huy.

Ngày 30-10-1949, Ban Thường vụ Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương quyết định các lực lượng quân sự của Việt Nam được cử làm nhiệm vụ quốc tế tại Lào tổ chức thành hệ thống riêng và lấy danh nghĩa là Quân tình nguyện.

Thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương, Đại hội Quốc dân Lào (Mặt trận Lào kháng chiến) họp từ ngày 13 đến ngày 15-8-1950, tại Tuyên Quang quyết định thành lập Chính phủ Kháng chiến Lào, lập mặt trận dân tộc thống nhất Lào, tức Neo Lào Ít-xa-lạ, do Hoàng thân Xu-pha-nu-vông làm Chủ tịch kiêm Thủ tướng Chính phủ. Đại hội đã đề ra Cương lĩnh chính trị 12 điểm, trong đó nhấn mạnh yêu cầu tăng cường đoàn kết quốc tế, trước hết là với Việt Nam và Campuchia, cùng nhau đánh đuổi kẻ thù chung là thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Đại hội đại biểu lần thứ hai của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp từ ngày 11 đến 19-2-1951, tại xã Vinh Quang (nay là xã Kim Bình), huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hản, Trưởng đoàn đại biểu Lào tham gia Đoàn Chủ tịch đại hội. Đại hội đã thông qua Nghị quyết về đường lối, nhiệm vụ chung và đề ra chủ trương xây dựng ở mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia một đảng cách mạng. Ở Việt Nam, Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam. Đảng Lao động Việt Nam có nghĩa vụ phối hợp và giúp đỡ các tổ chức cách mạng Lào, Campuchia xây dựng chính đảng mác xít để lãnh đạo cuộc kháng chiến của hai nước giành lấy thắng lợi cuối cùng.

Theo sáng kiến của Đảng Lao động Việt Nam, ngày 11-3-1951 Hội nghị liên minh nhân dân ba nước Đông Dương khai mạc tại xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Các đại biểu đại diện Mặt trận Liên Việt của Việt Nam, của Mặt trận Lào Ít-xa-lạ, của Mặt trận Khome Ítxarác đã thảo luận và nhất trí thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam - Lào - Campuchia theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, tương trợ và tôn trọng chủ quyền của nhau, cùng nhau đánh đuổi bọn thực dân, đế quốc xâm lược, giành độc lập thực sự cho nhân dân Đông Dương. Hội nghị đề ra chương trình hành động chung và cử ủy ban liên minh gồm đại diện của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia.

Việc thành lập khối liên minh nhân dân Việt Nam - Lào - Campuchia là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, tạo cơ sở nâng cao quan hệ đoàn kết và phối hợp chiến đấu giữa nhân dân ba nước Đông Dương, là đòn giáng mạnh mẽ vào chính sách chia để trị của bọn thực dân, đế quốc.

Với sự cố gắng, nỗ lực của bản thân và cùng với sự đoàn kết và phối hợp của Việt Nam, trong hai năm 1951-1952 cuộc kháng chiến của nhân dân Lào đã giành được kết quả quan trọng về mọi mặt chính trị, quân sự, văn hóa xã hội, ngoại giao. Tháng 4-1953, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Kháng chiến Lào quyết định mở chiến dịch Thượng Lào. Quân đội Việt Nam phối hợp với quân đội Lào Ít-xa-lạ giải phóng

toàn bộ tỉnh Sầm Nưa, một phần Xiêng Khoảng và Phongxalỳ. Sau chiến thắng Thượng Lào, Ban Cán sự Đảng Lao động Việt Nam ở Lào đã phối hợp và giúp bạn thành lập “*Ban Vận động thành lập Đảng Nhân dân Lào*”.

Tháng 12- 1953 một bộ phận quân chủ lực Việt Nam phối hợp với bộ đội Lào Ít-xa-lạ và quân tình nguyện Việt Nam tại Lào mở chiến dịch Trung, Hạ Lào. Chiến thắng của Liên quân Việt - Lào góp phần làm phá sản kế hoạch tập trung quân của Nava, buộc địch phải phân tán lực lượng đối phó trên nhiều chiến trường, tạo điều kiện củng cố, phát triển thế phối hợp chiến lược giữa hai nước Việt Nam và Lào.

Ngày 13-3-1954, quân và dân Việt Nam mở đầu cuộc tiến công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Phối hợp với chiến trường chính Việt Nam, quân và dân Lào liên tục đẩy mạnh các hoạt động quân sự từ Bắc xuống Nam Lào để kiềm chế lực lượng địch, đồng thời ủng hộ Mặt trận Điện Biên Phủ.

Trải qua 55 ngày đêm chiến đấu gian khổ, quyết liệt và anh dũng, ngày 7-5-1954 tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ bị tiêu diệt hoàn toàn. Chiến công đó đã đánh bại cố gắng chiến tranh cao nhất của thực dân Pháp được Mỹ viện trợ, giáng một đòn quyết định vào ý chí xâm lược của bọn thực dân, đế quốc, góp phần thúc đẩy quá trình tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới. Đó là thắng lợi to lớn của nhân dân Việt Nam và cũng là thắng lợi của khối đoàn kết, liên minh chiến đấu giữa quân đội và nhân dân ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia, mà Việt Nam làm trụ cột trong sự nghiệp kháng chiến chống kẻ thù chung. Từ đây, cục diện chiến tranh Đông Dương chuyển sang thế có lợi cho cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia tại Hội nghị Giơnevơ.

Ngày 8-5-1954, Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương khai mạc tại Giơnevơ. Ngày 21-7-1954, đôi phương buộc phải cùng các bên đàm phán ký tuyên bố chung và các hiệp định về chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương. Nước Pháp và các nước tham gia hội nghị cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia. Đó là cơ sở pháp lý quốc tế rất quan trọng để nhân dân ba nước Đông Dương tiến lên giành độc lập, hoàn thành thống nhất đất nước ở mỗi nước.

2. PHÁT TRIỂN LIÊN MINH CHIẾN ĐẤU VIỆT NAM - LÀO CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1954 - 1975)

Với việc ký kết Hiệp định Giơnevơ 1954, cách mạng hai nước Việt Nam, Lào bước vào thời kỳ mới: thời kỳ tập trung xây dựng lực lượng, đẩy mạnh đấu tranh để giữ vững hòa bình và giành độc lập, thống nhất ở mỗi nước. Song, đế quốc Mỹ vẫn nuôi tham vọng xâm lược, ra sức can thiệp vào miền Nam Việt Nam và Lào, âm mưu biến nơi đây thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, để làm bàn đạp tiến công các nước xã hội chủ nghĩa. Trước sự chuyển biến mới của cách mạng Lào, Đại hội thành lập Đảng Nhân dân Lào được tiến hành từ ngày 22 tháng 3 đến ngày 6 tháng 4 năm 1955 tại tỉnh Sầm Nưa. Đại hội đề ra *Chương trình hành động 12 điểm, thông qua Báo cáo chính trị, Điều lệ của Đảng* và

bầu Ban Chỉ đạo toàn quốc gồm 5 người, do đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hản làm Trưởng Ban Chỉ đạo.

Đảng Nhân dân Lào ra đời đã tạo cơ sở vững chắc để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Lào, đồng thời là nhân tố trọng yếu, có ý nghĩa quyết định thúc đẩy quan hệ đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng hai nước Lào - Việt Nam.

Đáp ứng yêu cầu đoàn kết rộng rãi lực lượng cách mạng trong giai đoạn mới, từ ngày 6 đến 31 tháng 1 năm 1956, Ủy ban Trung ương Neo Lào Ít-xa-lạ tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại tỉnh Sầm Nưa. Đại hội thông qua Cương lĩnh chính trị 12 điểm và quyết định đổi tên Neo Lào Ít-xa-lạ thành Neo Lào Hắc Xát (Mặt trận Lào yêu nước). Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương Neo Lào Hắc Xát, gồm 47 đại biểu, đại diện các tầng lớp nhân dân, các dân tộc, tôn giáo trong cả nước, do Hoàng thân Xu-pha-nu-vông làm Chủ tịch.

Thành công của Đại hội đại biểu lần thứ II Neo Lào Hắc Xát đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Lào và mở ra triển vọng mới cho sự tăng cường hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng hai nước Việt Nam - Lào.

Sau khi Đảng Nhân dân Lào được thành lập, các lực lượng yêu nước Lào với sự phối hợp, hỗ trợ tích cực của các tổ chức quân sự và dân chính Việt Nam đã liên tiếp đánh bại các cuộc tiến công của các thế lực phái hữu trong chính quyền và quân đội Viêng Chăn vào vùng căn cứ cách mạng, gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 2 tháng 11 năm 1957, Hoàng thân Xu-pha-nu-vông, đại diện Neo Lào Hắc Xát và Hoàng thân Xuvana Phuma, đại diện Chính phủ Vương quốc Lào lấy tuyên bố chung thoả thuận thành lập Chính phủ Liên hiệp, có Neo Lào Hắc Xát tham gia. Ngày 25 tháng 12 năm 1957, cơ quan đại diện Neo Lào Hắc Xát chính thức ra mắt và hoạt động công khai, hợp pháp tại thủ đô Viêng Chăn.

Nhân dịp giành được thắng lợi trong cuộc đấu tranh thực hiện hoà hợp dân tộc, thống nhất quốc gia, thành lập Chính phủ Liên hiệp, ngày 10 tháng 1 năm 1958, Ban Chỉ đạo Đảng Nhân dân Lào gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh và Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam khẳng định: *“Sở dĩ cách mạng Lào đạt được những thắng lợi to lớn đó là do tinh thần đoàn kết đấu tranh anh dũng kiên cường của nhân dân, cán bộ, chiến sĩ Lào dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân Lào, đồng thời cũng do sự đóng góp quan trọng của đồng chí và Trung ương Đảng Lao động Việt Nam đã hết lòng theo dõi, giúp đỡ chúng tôi trong mỗi giai đoạn của cách mạng”*.

Từ cuối năm 1958, đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đẩy mạnh các hoạt động lật lọng, từng bước xoá bỏ các hiệp ước hoà hợp dân tộc đã được ký kết để cuối cùng trắng trợn xoá bỏ Chính phủ liên hiệp và hoà hợp dân tộc.

Trước sự can thiệp trắng trợn của đế quốc Mỹ vào Lào, Hội nghị Trung ương Đảng Nhân dân Lào, ngày 3-6-1959 xác định cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân Lào đang

chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn từ đấu tranh công khai hợp pháp là chủ yếu, chuyển sang đấu tranh vũ trang là chủ yếu, kết hợp với các hình thức đấu tranh khác.

Thống nhất với quan điểm trên của Đảng Nhân dân Lào, Hội nghị Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, ngày 2-7-1959 đề ra chủ trương chi viện cách mạng Lào đáp ứng yêu cầu xây dựng, phát triển lực lượng trong tình hình mới và coi đây là một nhiệm vụ quốc tế hết sức quan trọng, có ý nghĩa to lớn đối với cách mạng Việt Nam.

Đầu năm 1961, đế quốc Mỹ và quân đội Sài Gòn đẩy mạnh việc đánh phá hòng ngăn chặn việc vận chuyển của Đoàn 559 trên tuyến Đông Trường Sơn. Được sự giúp đỡ tận tình của nhân dân các bộ tộc Lào, các đoàn công tác quân sự Việt Nam đã xây dựng được nhiều cơ sở cách mạng, phục vụ cho việc mở tuyến đường mới dọc Tây Trường Sơn trên đất Lào.

Do bị thất bại nặng nề và liên tiếp trên các mặt trận, nhất là trong chiến dịch Nậm Thà (5 -1962), đế quốc Mỹ và chính quyền tay sai Viêng Chăn phải thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc lần thứ hai, có lực lượng Pa thét Lào tham gia (12-6-1962) và ký kết Hiệp định Giơnevơ (23-7-1962) công nhận nền độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Lào.

Sau Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào, ngày 5- 9-1962, Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Vương quốc Lào chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao. Đầu năm 1963 vua Lào Xixávang Váthana dẫn đầu đoàn đại biểu Hoàng gia Lào thăm Việt Nam. Trong buổi chiêu đãi vua Lào, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Hai dân tộc Việt và Lào sống bên nhau trên cùng một dải đất, cùng có chung một dãy núi Trường Sơn. Hai dân tộc chúng ta đã nương tựa vào nhau, giúp đỡ lẫn nhau như anh em ... Ngày nay chúng ta lại đang giúp đỡ nhau để xây dựng một cuộc sống mới. Tình nghĩa láng giềng anh em Việt - Lào thật là thấm thiết không bao giờ phai nhạt được”.

Mặc dù Hiệp định Giơnevơ 1962 về Lào được ký kết, đế quốc Mỹ vẫn chưa từ bỏ âm mưu xâm lược Lào, tăng cường viện trợ, giúp chính quyền tay sai thân Mỹ tiến công lấn chiếm vùng giải phóng, đồng thời ra sức phá hoại Chính phủ liên hiệp, cô lập và vu cáo Neo Lào Hắc Xát.

Từ cuối năm 1963, Việt Nam cử chuyên gia quân sự sang làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào và đến giữa năm 1964, thành lập hệ thống chuyên gia quân sự Việt Nam từ trên cơ quan Tổng tư lệnh Lào xuống đến Bộ tư lệnh các quân khu, tỉnh đội và cấp tiểu đoàn, có nhiệm vụ phối hợp với bạn để nghiên cứu kế hoạch tác chiến, xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng và củng cố các vùng căn cứ ở Lào. Đồng thời, các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam phối hợp với bộ đội Pa-thét Lào mở nhiều chiến dịch, chủ yếu ở khu vực đường 9 - Trung Lào, Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng, đập tan các cuộc tấn công lấn chiếm của địch, bảo vệ vững chắc vùng giải phóng Lào, tạo điều kiện thuận lợi cho quân và dân Việt Nam vận chuyển trên đường Tây Trường Sơn để chi viện cho chiến trường miền Nam Việt Nam và cách mạng hai nước Lào, Campuchia.

Giữa năm 1965, đế quốc Mỹ thực hiện bước leo thang chiến tranh mới, đưa lực lượng không quân Mỹ vào tham chiến ở Lào, đẩy chiến tranh đặc biệt ở Lào phát triển đến cao độ; đồng thời tiến hành chiến lược “chiến tranh cục bộ” ở miền Nam Việt Nam, mở rộng chiến tranh phá hoại bằng không quân, hải quân ra miền Bắc Việt Nam.

Ngày 22-6-1965, Đảng Lao động Việt Nam hội đàm với Đảng Nhân dân Lào thống nhất các nội dung phối hợp và giúp đỡ lẫn nhau, trong đó tập trung giúp Lào xây dựng vùng giải phóng về mọi mặt với quy mô một quốc gia, xây dựng lực lượng vũ trang. Tiếp đó, ngày 3-7-1965, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết khẳng định: *“Việt Nam cần phải nỗ lực đáp ứng đến mức cao nhất mọi yêu cầu đối với công cuộc phát triển cách mạng của Lào”*.

Ngày 20-01-1966, bộ đội Pa-thét Lào đổi thành Quân giải phóng nhân dân Lào, tăng cường xây dựng lực lượng, tạo sự thay đổi cơ bản trong so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng Lào.

Đầu năm 1968, bộ đội tình nguyện Việt Nam phối hợp với Quân giải phóng Lào mở chiến dịch tiến công Nặm Bạc thắng lợi, giải phóng hoàn toàn khu vực Nặm Bạc - Khăm Đeng với trên một vạn dân, nối liền vùng giải phóng Thượng Lào thành khu vực liên hoàn, tạo thế vững chắc cho hậu phương cách mạng Lào và hỗ trợ thiết thực cho cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam và Campuchia.

Những thắng lợi trên thể hiện nấc thang phát triển mới của lực lượng cách mạng Lào, đồng thời khẳng định sức mạnh to lớn của quan hệ đoàn kết chiến đấu giữa quân và dân hai nước Việt Nam - Lào, trong đó thể hiện tình cảm chân thành nhất mực, sát son của Việt Nam đối với sự nghiệp cách mạng Lào, như đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hân phát biểu trong cuộc hội đàm giữa Đảng Nhân dân Lào và Đảng Lao động Việt Nam (12-1968) đã nhấn mạnh: *“Sự giúp đỡ của Việt Nam cho cách mạng Lào hết sức tận tình và vô tư. Việt Nam đã giúp Lào cả vật chất và xương máu. Xương máu của nhân dân Việt Nam đã nhuộm đỏ khắp nơi trên đất nước Lào vì nền độc lập của Lào . . . Sự giúp đỡ của Việt Nam đối với Lào đã xây dựng nên mối quan hệ đặc biệt, thực tế đó cũng là sự vận dụng đúng đắn chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản”*.

Mặc dù bị thất bại, từ năm 1969, đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh, đưa chiến tranh đặc biệt ở Lào lên đến đỉnh cao với sự tham gia ngày càng nhiều của lực lượng không quân Mỹ và quân đội các nước tay sai, chư hầu của Mỹ, đồng thời tiến hành “Việt Nam hóa chiến tranh” và mở rộng chiến tranh sang Campuchia.

Trước âm mưu và thủ đoạn chiến tranh mới của đế quốc Mỹ, Trung ương Đảng Lao động Việt Nam và Trung ương Đảng Nhân dân Lào đã ra chỉ thị khẳng định tăng cường đoàn kết giữa nhân dân hai nước, quyết tâm đánh bại đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai trong bất cứ tình huống nào.

Với sự nỗ lực vượt bậc của bản thân và cùng với sự đoàn kết, giúp đỡ vô tư, trong sáng của Việt Nam, đến cuối năm 1972, cách mạng Lào đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng, nhất là Đảng Nhân dân Lào đã tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai: quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Nhân dân cách mạng Lào và suy tôn đồng chí Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng; thông qua Nghị quyết: “tăng cường đoàn kết Lào-Việt”, trong đó khẳng định tình đoàn kết Lào - Việt trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lê nin và tinh thần quốc tế vô sản là mối quan hệ đặc biệt, đã đánh dấu sự trưởng thành về chính trị và tổ chức của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, nhân tố trọng yếu, có ý nghĩa quyết định thúc đẩy quan hệ đặc biệt, liên minh chiến đấu Lào - Việt Nam lên bước phát triển mới.

Trước những thắng lợi to lớn về mọi mặt của cách mạng 3 nước Đông Dương, đặc biệt là chiến thắng (Điện Biên phủ trên không) đập tan cuộc tập kích đường không chiến lược của đế quốc Mỹ tháng 12/1972 vào Hà Nội, Hải phòng, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari (27/1/1973) chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam.

Những chiến thắng to lớn về nhiều mặt của quân tình nguyện Việt Nam và quân giải phóng nhân dân Lào cuối năm 1972, đầu năm 1973 đã trực tiếp góp phần quan trọng buộc chính phủ Viêng Chăn phải ký kết Hiệp định Viêng Chăn “lập lại hoà bình và thực hiện hòa hợp dân tộc ở Lào” (21-2-1973).

Sau khi ký Hiệp định Viêng Chăn năm 1973, cục diện nước Lào hình thành 3 vùng, với hai chính quyền song song tồn tại, đó là: vùng giải phóng với 4/5 đất đai và hơn một nửa dân số do Pa-thét Lào quản lý; vùng do chính quyền phái hữu chiếm đóng và vùng “trung lập hoá” gồm đô thị Viêng Chăn và Luông Pha Bông, có lực lượng của hai bên cùng tham gia quản lý bảo vệ. Chính phủ liên hiệp lâm thời lần thứ 3 và Hội đồng Chính trị liên hiệp được thành lập với thành phần đại biểu của hai bên ngang nhau.

Tại cuộc hội đàm giữa hai đoàn đại biểu cấp cao Đảng Lao động Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào (12-1973), hai Đảng đã thống nhất xác định nhiệm vụ quan trọng nhất trong tình hình hiện nay để đưa cách mạng Lào tiến lên là: củng cố, xây dựng vùng giải phóng; nắm chắc lực lượng vũ trang, đi đôi với việc sử dụng Chính phủ liên hiệp; đẩy mạnh đấu tranh chính trị trong hai thành phố trung lập và trong vùng đối phương quản lý. Để nâng cao hiệu quả quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa cách mạng hai nước, hai Đảng đã nhất trí phương hướng hợp tác cần tập trung vào những vấn đề cơ bản nhất, những khâu then chốt nhất, tạo điều kiện cho Lào nhanh chóng đảm đương được công việc một cách độc lập, tự chủ.

Thực hiện chủ trương trên, Việt Nam từng bước rút chuyên gia ở tỉnh và huyện về nước (rút trước tháng 5-1974), đồng thời điều chỉnh các lực lượng chuyên gia và quân tình nguyện còn lại để phối hợp và giúp Lào thực hiện nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Sự phối hợp chặt chẽ và giúp đỡ hiệu quả giữa Việt Nam và Lào nói trên, đã làm cho thế và lực của cách mạng Lào lớn mạnh vượt bậc, tạo điều kiện thúc đẩy phong trào đấu

tranh của quần chúng ngày càng lan rộng và sôi nổi, nhất là ở Thủ đô Viêng Chăn, buộc Chính phủ liên hiệp phải chấp nhận Cương lĩnh chính trị 18 điểm và Chương trình hành động 10 điểm do Mặt trận Lào yêu nước đưa ra (12- 1974), đồng thời góp phần hỗ trợ tích cực cho nhân dân Việt Nam và nhân dân Campuchia anh em giành thắng lợi hoàn toàn trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược.

Trước thắng lợi dồn dập, to lớn của nhân dân Việt Nam, Campuchia trong tháng 4-1975, nhất là chiến thắng giải phóng hoàn toàn miền Nam (30-4-1975) của nhân dân Việt Nam, ngày 5-5-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng nhân dân cách mạng Lào tổ chức Hội nghị mở rộng, quyết định phát động toàn Đảng, toàn dân, toàn quân trong cả nước nổi dậy đoạt lấy chính quyền và giành thắng lợi hoàn toàn.

Việc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ra đời (tháng 12 năm 1975) là thắng lợi to lớn triệt để của nhân dân các bộ tộc Lào, đồng thời cũng là thắng lợi quan trọng của mối quan hệ đặc biệt, liên minh đoàn kết chiến đấu, thủy chung, son sắt giữa hai dân tộc Việt Nam - Lào.

III. HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO (1976 - 2007)

1. HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO (1976 – 1985)

Sau năm 1975, quan hệ Việt Nam và Lào bước sang một trang hoàn toàn mới: từ liên minh chiến đấu chung một chiến hào sang hợp tác toàn diện giữa hai quốc gia có độc lập chủ quyền. Tuy nhiên, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, hai nước Việt Nam và Lào đều phải ra sức khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh kéo dài 30 năm, đặc biệt là hậu quả thống trị của chủ nghĩa thực dân mới. Nền kinh tế của Việt Nam và Lào về cơ bản còn hết sức lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào nước ngoài. Điểm xuất phát của hai nước đều từ nền kinh tế nông nghiệp có trình độ canh tác, năng suất và sản lượng rất thấp; tư duy lãnh đạo kinh tế còn mang nặng tính tập trung bao cấp từ thời chiến. Trong khi đó, các thế lực thù địch trong nước và bên ngoài câu kết, tìm cách chia rẽ Lào với Việt Nam, Việt Nam với Lào gây khó khăn, trở ngại không nhỏ cho mối quan hệ giữa Việt Nam và Lào.

Đây là thời kỳ Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã trở thành Đảng cầm quyền ở mỗi nước; do vậy, cả hai nước càng có điều kiện phát huy truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó keo sơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, xây dựng và tăng cường quan hệ liên minh, liên kết và hợp tác toàn diện về chính trị, quốc phòng an ninh, kinh tế, văn hoá, giáo dục... Đây chính là đặc điểm quan trọng nhất, dẫn tới sự thay đổi về chất trong nội dung, phương thức và các nguyên tắc quan hệ giữa hai quốc gia dân tộc, nâng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai nước lên tầm cao mới.

Năm 1976, ngay sau thành lập nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Lào và Việt Nam đã đạt được thỏa thuận quan trọng trong vòng hai tháng rút toàn bộ quân đội và

chuyên gia Việt Nam về nước và bắt đầu xúc tiến việc hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước. Ngày 30-4-1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết: “Về tăng cường giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới”, xác định: Việc tăng cường đoàn kết, giúp đỡ, hợp tác đối với Lào là một trong những nhiệm vụ quốc tế hàng đầu của Đảng và nhân dân Việt Nam, cũng là vì lợi ích thiết thân của cách mạng Việt Nam.

Từ ngày 15 đến ngày 18-7-1977, Đoàn đại biểu cao cấp Đảng và Chính phủ Việt Nam do Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức Lào. Hai bên đã trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế quan trọng mà hai bên cùng quan tâm, cũng như các vấn đề nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước, trên cơ sở đáp ứng nguyện vọng thiết tha và lợi ích sống còn của hai dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ngày 18 tháng 7 năm 1977, hai nước chính thức ký kết các Hiệp ước: *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; và ra Tuyên bố chung tăng cường sự tin cậy và hợp tác lâu dài giữa hai nước.*

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào là Hiệp ước toàn diện, mang tính chiến lược lâu dài, tạo cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng cường lâu dài tình đoàn kết, mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Đây là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước.

Thành quả mười năm hợp tác toàn diện Việt Nam- Lào, Lào- Việt Nam rất to lớn:

- Hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại:

Mối quan hệ hợp tác về chính trị trong giai đoạn này tập trung vào nỗ lực của hai nước trong việc hiện thực hóa mục tiêu cùng lựa chọn: tiến lên con đường xã hội chủ nghĩa mà chưa có tiền lệ lịch sử.

Lào tự chủ giải quyết những vấn đề của Lào để ổn định và phát triển như: giữ vững chủ quyền lãnh thổ, duy trì an ninh nội địa, bảo vệ chế độ mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, phục hồi, đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân, tranh thủ viện trợ nước ngoài, v.v. . .

Về phía Việt Nam, luôn nhận thức sâu sắc mối quan hệ tương hỗ của cách mạng hai nước trong giai đoạn mới: “Lào có ổn định thì Việt Nam mới ổn định và ngược lại”. Vì vậy, Việt Nam đã cố gắng đáp ứng các yêu cầu chi viện và hợp tác với Lào một cách toàn diện, theo tinh thần vô tư “không tính thiệt hơn”.

Việc giải quyết thành công vấn đề biên giới giữa hai nước là một thành tựu nổi bật của hợp tác chính trị trong giai đoạn này. Sau 8 năm tiến hành, đến ngày 24 tháng 01 năm 1986, việc phân vạch và cắm mốc trên thực địa toàn tuyến biên giới Việt - Lào dài 2.340 km đã hoàn thành.

Trong hai ngày 22 và 23-2-1983, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương diễn ra tại Thủ đô Viêng Chăn. Hội nghị đã nhất trí đề ra 4 nguyên tắc chỉ đạo mối quan hệ giữa ba nước, trong đó nhấn mạnh quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Tiếp đó, tại Tuyên bố chung Việt Nam - Lào vào năm 1985, một lần nữa khẳng định quyết tâm của hai bên củng cố hơn nữa tình hữu nghị vĩ đại và tình đoàn kết chiến đấu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và các nhà lãnh đạo cách mạng hai nước đã dày công vun đắp; tăng cường sự hợp tác toàn diện, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật; tích cực thực hiện các thỏa thuận giữa hai nước và những thỏa thuận của Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương.

- Hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Do tình hình phức tạp trong nước và khu vực, trước yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ của Lào, tháng 1- năm 1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra quyết nghị: tiếp tục đề nghị Việt Nam đưa lực lượng quân đội sang hỗ trợ quân đội Lào nhằm ổn định tình hình, ngăn ngừa các nguy cơ chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước. Trung tuần tháng 9 năm 1977, Đoàn đại biểu quân sự cấp cao nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào sang thăm và làm việc với Bộ Quốc phòng Việt Nam, hai bên đã ký hiệp ước phòng thủ ngày 22 tháng 9 năm 1977.

Trên lĩnh vực hợp tác an ninh, Bộ Nội vụ Lào đã ký Hiệp định hợp tác toàn diện với Bộ Nội vụ Việt Nam, nội dung cho phép lực lượng an ninh của hai nước, ở cả Trung ương và các địa phương quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, trao đổi các đoàn đại biểu, các đoàn cán bộ lão thành...

- Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật

Quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật giữa hai nước dần thay đổi từ viện trợ không hoàn lại và cho vay là chủ yếu sang giảm dần viện trợ và cho vay, bước đầu đẩy mạnh hợp tác sản xuất kinh doanh bình đẳng cùng có lợi. Thời gian này, Lào đề ra công thức hợp tác: Tài nguyên Lào, lao động kỹ thuật Việt Nam, vốn hợp tác hoặc vay của nước thứ ba. Trong hợp tác đã chuyển dần từ hợp tác từng vụ việc theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước Lào sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch được ký kết giữa hai Chính phủ.

Quan hệ hợp tác thương mại: Từ 1976-1981, trao đổi hàng hoá chính ngạch được bắt đầu theo phương thức bao cấp bằng ngân sách nhà nước mỗi bên. Hiệp định thương mại

Việt Nam- Lào 5 năm (1981-1985) được ký kết, kèm theo nghị định thư thương mại hàng năm, đã tạo hành lang pháp lý cho việc trao đổi buôn bán giữa hai nước . . .

Trong lĩnh vực hợp tác văn hóa: Hàng năm, hai bên thường xuyên lập kế hoạch giao lưu văn hoá nghệ thuật dưới các hình thức: Trao đổi đoàn biểu diễn, tổ chức sang tác mỹ thuật, tìm hiểu về chủ đề đất nước và con người, hợp tác xuất bản, in và phát hành sách báo, văn hoá phẩm, phim ảnh. Phối hợp tuyên truyền về mối quan hệ đặc biệt Việt- Lào, Lào- Việt, tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn ...

Hợp tác giáo dục và đào tạo: Hàng năm, Bộ giáo dục hai nước đều ký kết các văn bản hợp tác và Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục của ba nước Lào, Campuchia, Việt Nam được tổ chức lần lượt tại Hà Nội và Viêng Chăn. Hàng loạt hệ thống trường lớp ở Lào với sự giúp đỡ của Việt Nam đã được xây dựng. Lưu học sinh Lào có mặt ở 36 trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn tiếp tục đào tạo một số học sinh phổ thông cho Lào. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận chính trị của Đảng được coi là một nhiệm vụ chiến lược cơ bản thường xuyên của Đảng, Nhà nước của cả hai nước. Việt Nam cử nhiều chuyên gia đầu ngành, có kinh nghiệm sang Lào xây dựng chương trình giảng dạy cho Trường Đảng cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào.

- Hợp tác giữa các địa phương và ngoại giao nhân dân

Đi đôi với mối quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước, các bộ, ngành Trung ương, còn có mối quan hệ kết nghĩa giữa toàn bộ các tỉnh có chung đường biên giới cũng như các tỉnh không có chung biên giới giữa hai nước với nhau. Các địa phương đã phối hợp chặt chẽ về trao đổi đoàn tham quan, cùng giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm cũng như cùng tháo gỡ những khó khăn giữa hai nước. Các Hội hữu nghị Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam và cộng đồng người Việt Nam tại Lào đã có nhiều đóng góp đáng kể trong vai trò làm cầu nối quan trọng trong việc giữ gìn và phát triển quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Với những thành tựu to lớn đạt được sau chặng đường 10 năm (1976 -1985) thế và lực của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ngày càng được củng cố vững chắc. Đây cũng chính là cơ sở vững chắc để quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào- Việt Nam không ngừng được củng cố và tăng cường trong giai đoạn đổi mới tiếp theo.

2. Củng cố và tăng cường hợp tác toàn diện Việt Nam- Lào giai đoạn 1986 - 2007

Ngày 3-7-1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ thị: “Trên cơ sở quán triệt đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các Nghị quyết 10 và 11 của Bộ Chính trị về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia và nội dung thỏa thuận trong các cuộc hội đàm lần này, các bộ ban ngành và các tỉnh trực tiếp làm nhiệm vụ hợp tác với bạn cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm, kiên quyết xử lý và có

biện pháp chấm dứt các hiện tượng tiêu cực, các quan điểm, nhận thức và hành động sai trái gây phương hại cho quan hệ đặc biệt giữa ta với Lào”

Về phía Lào, Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào cũng khẳng định: “Xuất phát từ truyền thống lịch sử và tình hình, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ba nước, sự tăng cường liên minh hợp tác toàn diện giữa ba Đảng, ba nước Lào-Việt Nam-Campuchia mới *trở thành nhiệm vụ chiến lược số một, là nguyên tắc cách mạng bất di bất dịch của mỗi nước, là vấn đề sống còn của mỗi nước*”. Đặc biệt, Chỉ thị của Ban Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào ghi rõ hai bên nhất trí phải tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ quan hệ đoàn kết sống còn và lâu dài, quán triệt quan điểm, phương châm nguyên tắc của mối quan hệ trong giai đoạn cách mạng mới, uốn nắn tư tưởng và tác phong làm việc mới, tránh những bảo thủ, chủ quan, chống mọi hiện tượng lơ là mất cảnh giác, thiếu trách nhiệm, chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi”.

Từ khi hai nước tiến hành đổi mới vào năm 1986, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam- Lào, Lào- Việt Nam tiếp tục được củng cố, tăng cường và đạt những thành tựu rất lớn lao.

- Hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại

Từ năm 1988, cuộc gặp hàng năm giữa hai Bộ Chính trị đã trở thành một cơ chế hoạt động chính thức giữa hai Đảng và hai Nhà nước.

Một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam là chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào của Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh dẫn đầu từ ngày 02 đến ngày 4-7-1989. Đây là chuyến thăm Lào chính thức đầu tiên của lãnh đạo cấp cao Đảng Cộng sản Việt Nam từ sau Đại hội IV Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Hai bên thống nhất với nhau nhiều vấn đề quan trọng trong việc đổi mới phương thức hợp tác giữa hai nước và giải quyết các vấn đề quốc tế và khu vực. Thành tựu nổi bật nhất của quan hệ hợp tác chính trị Việt Nam- Lào trong giai đoạn này là *hai nước vẫn kiên định giữ vững định hướng chính trị theo con đường xã hội chủ nghĩa*.

Tháng 10 năm 1991, đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hản, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đoàn đại biểu cấp cao Đảng Nhân dân Cách mạng Lào thăm chính thức Việt Nam. Hai bên khẳng định quyết tâm trước sau như một tăng cường, củng cố và nâng cao quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào- Việt Nam, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, định kỳ trao đổi cấp Thứ trưởng Ngoại giao giữa hai nước nhằm phối hợp chặt chẽ các hoạt động ngoại giao trên các diễn đàn quốc tế.

Trung bình mỗi năm, hai Đảng cử trên 30 đoàn từ cấp trung ương đến cấp tỉnh sang trao đổi với nhau những kinh nghiệm về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, về công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận.

Hoạt động ngoại giao nhân dân cũng đạt được nhiều thành tích đáng kể. Hàng năm, quan hệ giữa các bộ, ban, ngành, đoàn thể, địa phương, nhất là các tỉnh biên giới kết nghĩa đều có những trao đổi hợp tác và mối quan hệ đó ngày càng đi vào chiều sâu với nội dung thiết thực và có hiệu quả.

Hai bên phối hợp nghiên cứu, biên soạn công trình Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam từ 1930 - 2007 nhằm tổng kết quá trình liên minh chiến đấu và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào- Việt Nam, đúc kết những bài học kinh nghiệm phục vụ cho việc tiếp tục xây dựng và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào- Việt Nam lên một tầm cao mới.

- Hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh

Trong bối cảnh luôn luôn bị các thế lực thù địch tìm cách chống phá Việt Nam và Lào xác định *hợp tác về quốc phòng, an ninh là nhiệm vụ rất cấp bách và quan trọng hàng đầu.*

Từ cuối thập niên 80 và những năm đầu thập niên 90 thế kỷ XX, giữa hai Chính phủ, giữa hai bộ chức năng là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng của hai nước đều lý những hiệp định, nghị định về hợp tác, hỗ trợ nhau trong công tác bảo vệ an ninh và củng cố quốc phòng. Phía Việt Nam luôn chủ động và đảm nhiệm gánh vác các công việc khó khăn nhất với phương châm “giúp bạn là mình tự giúp mình”, “an ninh của bạn cũng chính là an ninh của mình”

Chiến công chung nổi bật về hợp tác an ninh - quốc phòng giai đoạn này là việc quân và dân Lào chủ động phối hợp chặt chẽ với quân đội Việt Nam chặn đánh cuộc hành quân "Đông tiến I" và "Đông tiến II" của lực lượng phản động lưu vong do Hoàng Cơ Minh cầm đầu vào Việt Nam qua con đường Lào trong hai năm 1986-1987. Bằng việc triển khai rộng khắp chiến lược quốc phòng toàn dân, Lào đã có những cống hiến thực sự vô giá trong việc bảo đảm an ninh ở phòng tuyến phía Tây Việt Nam, giúp Việt Nam phòng thủ từ xa một cách có hiệu quả.

Bước sang giai đoạn 1996-2007, Bộ Quốc phòng Việt Nam và Lào tiếp tục tiến hành các cuộc gặp trao đổi, phối hợp giúp đỡ lẫn nhau về xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và chuyên môn.

Điểm nổi bật trong việc hợp tác về an ninh thời kỳ này là hiệu quả cao của công tác phòng thủ an ninh có chiều sâu của các lực lượng an ninh và quân đội hai nước chống lại các lực lượng phản động lưu vong đang tìm cách chống phá cách mạng Lào và Việt Nam. Điển hình là trong những năm 2000 - 2007, một số phần tử trong nước Lào được các thế lực thù địch bên ngoài hỗ trợ, gây ra một số vụ nổ, phục kích ở một số địa phương nhưng đều bị lực lượng an ninh Lào phối hợp chặt chẽ với lực lượng an ninh Việt Nam ngăn chặn như: vụ đánh cửa khẩu Văng Tàu (Chăm-pa-xắc tháng 7-2000); vụ gây rối mất trật tự an

ninh ở Viêng Chăn (tháng 7-2000); vụ bạo loạn vũ trang ở Hủa-Phăn (năm 2003); vụ gây rối ở Bò Kẹo (tháng 7-2007).

- Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật

Trong quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào- Việt Nam, *hợp tác kinh tế trong thời kỳ đổi mới luôn chiếm vị trí quan trọng hàng đầu, với mong muốn là động lực thúc đẩy sự phát triển của các quan hệ hợp tác khác.*

Ngày 15-2-1992, tại Viêng-Chăn, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật thời kỳ 1992 - 1995 và năm 1992. Để hiện thực hóa Hiệp định khung này, Chính phủ hai nước đã tiến thêm một bước trong việc thống nhất cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật.

Ngày 15-3-1995, tại Hà Nội *thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật đến năm 2000 được ký kết.* Sau đó, ký kết Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học- kỹ thuật giai đoạn 1996-2000 giữa hai nước Việt Nam và Lào. Trong giai đoạn này, Việt Nam và Lào còn ký kết hàng loạt hiệp định và nghị định thư quan trọng nhằm thúc đẩy việc triển khai quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Giáo dục và đào tạo luôn được hai Đảng, hai Nhà nước xác định là *một nhiệm vụ quan trọng, là lĩnh vực hợp tác chiến lược và là biểu hiện của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.* Việt Nam coi việc đào tạo cho Lào một nguồn nhân lực có trình độ cao là nhu cầu có tính chiến lược lâu dài, không những của Lào mà còn phục vụ cho quá trình hợp tác của Việt Nam với Lào.

Việt Nam đã đào tạo cho Lào rất nhiều cử nhân, lưu học sinh trung học chuyên nghiệp, thạc sĩ, tiến sĩ. Cử cán bộ giúp xây dựng chương trình giảng dạy, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp... Từ năm 1992, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào đã ký kết Hiệp định về đào tạo cán bộ Lào tại Việt Nam và hàng năm hiệp định này đều được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Từ năm 1997, hai bên đã nhanh chóng chuyển hướng kết hợp đào tạo dài hạn, chính qui với tăng cường bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ hệ ngắn hạn trên các lĩnh vực quản lý; kết hợp cử chuyên gia đào tạo tại Lào với việc mở rộng hình thức đào tạo tại chức cho Lào tại Việt Nam. Số học sinh Lào được tiếp nhận hàng năm tăng từ 300-350 người lên tới 500 - 550 người năm 2000. Trong 5 năm (1996 - 2000), phía Việt Nam đã tiếp nhận 2.184 cán bộ học sinh Lào.

Trong điều kiện còn không ít khó khăn của Lào, số lượng cán bộ, học sinh Việt Nam được cấp học bổng Đại học của Chính phủ Lào ngày càng tăng. Kể từ năm học 1982-1983 đến đầu những năm 2000 đã có gần 300 sinh viên Việt Nam tốt nghiệp chuyên ngành văn học- ngôn ngữ Lào tại Trường Đại học Sư phạm Viêng Chăn. Ngoài ra, hàng năm Đại học quốc gia Lào còn mở rộng tiếp nhận hàng chục sinh viên Việt Nam sang học tự túc hệ đại học.

Về giao thông vận tải giai đoạn 1996 - 2000, hai bên đã cùng nhau tìm nguồn đầu tư nâng cấp hệ thống đường thông thương nối liền hai nước, tạo điều kiện cho Lào thông thương qua lãnh thổ và cảng biển Việt Nam ra các nước. Hai bên đã đầu tư xây dựng quốc lộ 43, 6B, 42, cửa khẩu Chiềng Khương. Cải tạo nâng cấp quốc lộ 9A, cửa khẩu Lao Bảo, quốc lộ 8, quốc lộ 7, quốc lộ 217 và 6A, quốc lộ 12A, cảng Đà Nẵng, cảng Xuân Hải và hoàn thành bến I cảng Vũng Áng...

Hợp tác về thương mại: Những năm đầu đổi mới, ngành thương mại hai nước xúc tiến nghiên cứu xây dựng đề án, tiến tới đầu tư xây dựng khu thương mại tự do Lao Bảo- Đền Xá Vẳn, chuẩn bị xây dựng cửa khẩu quốc tế Cầu Treo- Na Pê, mở cửa khẩu phụ và 11 điểm chợ biên giới để thúc đẩy sản xuất và giao lưu, trao đổi hàng hóa giữa hai nước, đặc biệt là các vùng biên giới Việt Nam- Lào.

Hợp tác về đầu tư: Sau khi có Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương giữa hai nước (ngày 14-1-1996) và các qui định về đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài (năm 1999) cùng các thỏa thuận của hai Đảng hai Nhà nước, hai bên có nhiều cố gắng đẩy mạnh hợp tác đầu tư. Năm 2006, hai bên đã cấp phép cho 52 dự án đầu tư vào Lào với số vốn đăng ký đạt 368,6 triệu USD. Năm 2007, phía Việt Nam có 87 dự án được cấp phép đầu tư vào Lào với tổng số vốn đăng ký là 1.020 triệu USD, xếp thứ 3 trong tổng số 30 nước và khu vực đầu tư vào Lào.

Trong lĩnh vực năng lượng, điểm nổi bật trong giai đoạn 1986-1995 là hai bên đã phối hợp chặt chẽ, khẩn trương thiết kế và thi công một số tuyến đường dây tải điện 35 KV từ Việt Nam qua Lào. Tháng 7 năm 1998, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định hợp tác năng lượng- điện, hai bên đã trao đổi, bổ sung và thống nhất dự án qui hoạch hệ thống đầu nối điện giữa hai nước. Hai bên xác định cụ thể công trình thủy điện hợp tác, phương thức mua, bán điện và giá điện làm cơ sở để phía Lào đưa vào tiến độ xây dựng và phía Việt Nam đưa vào tổng sơ đồ phát triển điện giai đoạn 2001-2005.

Hợp tác chuyên gia giai đoạn 1996-2000 không ngừng được củng cố, đổi mới và hoàn thiện cả về cơ chế lẫn hình thức hợp tác. Việt Nam đã cử 475 lượt chuyên gia tập trung vào các lĩnh vực kinh tế (63%), quốc phòng, an ninh (28%) và các lĩnh vực khác. Trong những năm này, nhiều đoàn chuyên gia vụ việc quan trọng của Việt Nam được cử sang Lào trao đổi và xử lý các vấn đề về quản lý vĩ mô (1996), đổi mới doanh nghiệp (1998), tiếp nhận viện trợ (1999)...

- Hợp tác giữa các địa phương và hợp tác biên giới

Các tỉnh biên giới và các địa phương kết nghĩa của hai nước đã cử nhiều đoàn đại biểu Đảng, chính quyền, đoàn thể và các ngành, các cấp... duy trì các hoạt động đối ngoại chính thức, hoặc trao đổi kinh nghiệm, thống nhất quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau trên các lĩnh vực.

IV QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM- LÀO: BẢN CHẤT, THÀNH QUẢ, BÀI HỌC VÀ TRIỂN VỌNG

1. BẢN CHẤT, THÀNH QUẢ, Ý NGHĨA VÀ BÀI HỌC LỊCH SỬ

a. Bản chất:

Quan hệ thân thiện lâu đời giữa hai dân tộc Việt Nam, Lào phát triển bền chặt thành *quan hệ đặc biệt vào năm 1930*, khi sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc của Việt Nam và Lào được tiến hành theo con đường cách mạng do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc vạch ra, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng mácxít- leninnít chân chính.

Bản chất của quan hệ đặc biệt đó bắt nguồn từ lòng yêu nước nồng nàn kết hợp với chủ nghĩa quốc tế trong sáng; tình đoàn kết thủy chung và niềm tin về lòng chân thành, trong sáng mà hai dân tộc Việt Nam, Lào dành cho nhau; sự giúp đỡ đến mức cao nhất nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng và tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển tương lai của hai dân tộc.

- Mỗi quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào được xây đắp, nuôi dưỡng bằng công sức, của cải, xương máu của nhiều thế hệ cách mạng người Việt Nam và Lào. Trải qua rất nhiều gian nan thử thách khắc nghiệt, quan hệ đó vẫn không hề bị rạn nứt và phá vỡ cho dù các thế lực thù địch dùng nhiều thủ đoạn chống phá, chia rẽ.

- Tính đặc biệt của quan hệ Việt Nam- Lào được tạo dựng trên nền tảng *quan điểm, nguyên tắc, phương pháp và cơ chế* phù hợp với điều kiện cụ thể của hai dân tộc Việt Nam- Lào.

Bản chất của quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào được nuôi dưỡng, phát triển bằng sức cảm hóa sâu sắc của *quan điểm* “giúp bạn là mình tự giúp mình” do Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dẫn. Đây là câu nói cô đọng, giàu ý nghĩa chính trị, nhân văn, mở ra phương hướng xử lý hài hòa lợi ích của hai dân tộc; là vũ khí sắc bén chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi, ban ơn.

*** Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào có những đặc điểm sau đây:**

- Quan hệ Việt Nam - Lào phát triển từ quan hệ truyền thống lên quan hệ đặc biệt.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào do Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng nền móng và chính Người cùng đồng chí Kay-xôn Phôm-vi-hản, đồng chí Xu-pha-nu-vông và các thế hệ lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước dày công vun đắp, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Xây dựng, bảo vệ và phát huy quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào là sự nghiệp của nhân dân Việt Nam và nhân dân Lào.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào mang tính xuyên suốt, toàn diện và bền vững.

b. Thành quả cơ bản:

Một là, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là quy luật giành thắng lợi và nguồn sức mạnh vô tận của cách mạng Việt Nam, Lào; là di sản văn hóa của hai dân tộc Việt Nam, Lào

Hai là, quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào đưa cách mạng Việt Nam, cách mạng Lào đi tới nhiều kỳ tích lịch sử:

- Hai dân tộc Việt Nam, Lào sát cánh bên nhau giành độc lập dân tộc.

- Hai dân tộc Việt Nam, Lào kề vai, sát cánh, xây dựng thực lực, kiên cường chiến đấu, đưa cuộc chiến tranh cách mạng kéo dài 30 năm (1945-1975) đi tới thắng lợi hoàn toàn.

- Quan hệ Việt Nam- Lào tiếp tục phát triển trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của hai dân tộc Việt Nam, Lào (1976- nay).

c. Ý nghĩa lịch sử:

Quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào là nhân tố cơ bản tạo nên sức mạnh vô địch của hai dân tộc Việt Nam, Lào.

- Đứng ở vị trí chiến lược của vùng Đông Nam Á, nơi đối đầu quyết liệt giữa phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, hoà bình và tiến bộ xã hội với các thế lực xâm lược, khối đại đoàn kết Việt Nam- Lào trở thành lực lượng vững mạnh, chặn đứng, làm thất bại những mưu đồ và hành động của kẻ thù, góp phần quan trọng tạo dựng môi trường hoà bình, hợp tác, hữu nghị giữa các quốc gia Đông Nam Á.

- Quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào là một tấm gương mẫu mực, thủy chung, trong sáng, vững bền, chưa từng có trong quan hệ. giữa các dân tộc đấu tranh vì độc lập, tự do, hoà bình và tiến bộ xã hội.

d. Bài học lịch sử:

- Xác định đúng đắn hệ thống quan điểm lý luận về mối quan hệ dân tộc và quốc tế trong thời đại mới giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong quá trình xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

- Xác định nội dung, phương thức xây dựng quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào là cơ sở thực hiện các nhiệm vụ cách mạng do hai bên xác lập.

- Tình cảm cách mạng thủy chung, trong sáng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào là một nhân tố trọng yếu tạo nên độ bền vững và phát triển của mối quan hệ Việt Nam- Lào.

- Khai thác, phát huy các nhân tố, điều kiện cần thiết để xây dựng, phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào.

2. PHẤN ĐẤU ĐƯA QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM- LÀO LÊN TẦM CAO MỚI

Để tăng cường hợp tác toàn diện, đưa quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào lên tầm cao mới cần bổ sung và điều chỉnh cơ chế, chính sách, chương trình và tổ chức chỉ đạo hợp tác cho phù hợp với thực tế và những đòi hỏi mới của sự hợp tác toàn diện giữa hai nước. Đặc biệt là trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực hiện nay và những năm tới, càng cần phải đẩy nhanh việc điều chỉnh kịp thời, linh hoạt các nội dung đã thỏa thuận bằng các văn bản hợp tác nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, đơn vị hợp tác thực hiện có hiệu quả những mục tiêu chiến lược hợp tác đã đặt ra.

Trong quan hệ hợp tác kinh tế sắp tới cần phải chú trọng tính thực chất, hiệu quả và chất lượng. Có nghĩa là, các chương trình hợp tác, nhất là từ phía Việt Nam (các dự án của Việt Nam đầu tư vào Lào) phải phù hợp với yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia của Lào. Việt Nam cần ưu tiên các dự án hợp tác với Lào phù hợp với qui hoạch và kế hoạch phát triển của Lào đã được vạch ra tại các kế hoạch 5 năm (2006-2010) và tầm nhìn đến 2020 của Lào.

Tính chất đặc biệt của quan hệ Việt Nam- Lào khác căn bản với các quan hệ đối tác thông thường ở chỗ nó là quan hệ hợp tác toàn diện bao gồm cả chính trị, an ninh, kinh tế, văn hóa... và ưu tiên, ưu đãi cho nhau cao hơn cả các quan hệ song phương khác. Cần có một nhận thức thống nhất của cán bộ và nhân dân hai nước về tính chất đặc biệt này. Cả hai bên cần có tầm nhìn rộng hơn, toàn diện và lâu dài hơn chứ không chỉ ở các lợi ích kinh tế thuần túy và ngắn hạn.

Định hướng cơ bản của chiến lược hợp tác Việt Nam- Lào giai đoạn 2011-2020 là: “Phát huy truyền thống quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào trở thành động lực tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong hợp tác kinh tế, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của mỗi nước”. Trong đó, không ngừng nâng cao nhận thức và làm sâu sắc thêm quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào trong hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học, kỹ thuật tạo sự chuyển biến mạnh mẽ thúc đẩy hợp tác kinh tế ngang tầm với quan hệ truyền thống giữa hai nước. Thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo: Coi trọng, phát triển và củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai nước và coi đây là nhiệm vụ có tầm chiến lược to lớn, thiết thực phục vụ lợi ích đảm bảo ổn định an ninh chính trị và phát triển của mỗi nước. Từng bước nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi và tinh thần quan hệ đặc biệt theo luật pháp của mỗi nước trên cơ sở những nội dung sau:

Tiếp tục đầu tư và phát huy những tiềm năng, lợi thế của hai nước nhằm bổ sung nguồn lực cho nhau, phù hợp với mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của mỗi nước theo từng giai đoạn, góp phần thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Lào trong 10 năm tới, đưa nước Lào thoát khỏi nước kém phát triển vào năm 2020.

- Phân đầu tăng kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước đạt 2 tỷ USD vào năm 2015 và 5 tỷ USD vào năm 2020. Quan tâm đặc biệt tới việc bảo đảm kết nối giao thông đường bộ trên các trục huyết mạch và các tuyến kết nối qua biên giới với các cảng biển của Việt

Nam để phục vụ đầu tư, thương mại và hội nhập giữa hai nước trên nguyên tắc đầu tư đồng bộ và đồng thời giữa hai bên.

- Tăng cường và nâng cao vai trò hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các bộ, ngành, tổ chức, địa phương và doanh nghiệp hai nước. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, đặc biệt là các địa phương có chung đường biên giới nhằm phát triển các địa phương khu vực biên giới trở thành hậu phương chiến lược vững chắc, ổn định, hòa bình, hữu nghị, hợp tác, tạo sự gắn bó, tin tưởng lẫn nhau lâu dài.

- Hai bên phối hợp chặt chẽ việc rà soát, bổ sung sửa đổi các văn bản thỏa thuận phối hợp xây dựng cơ chế, chính sách mới phù hợp với luật pháp và tình hình thực tế mỗi nước, thể hiện mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước và thông lệ quốc tế, tạo sự chuyển biến trong hợp tác kinh tế cũng như hội nhập quốc tế và khu vực của mỗi nước phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các cam kết và có sự đồng thuận trong các khuôn khổ hợp tác đa phương đối với những vấn đề có liên quan đến hai nước.

- Phối hợp chặt chẽ trong việc thực hiện các cam kết và có sự đồng thuận trong các khuôn khổ hợp tác đa phương đối với những vấn đề có liên quan đến hai nước.

Trên cơ sở những kết quả to lớn của sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào những năm qua, lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước thống nhất đặt ưu tiên cao nhất cùng phấn đấu nâng quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào lên *tâm cao mới*, theo phương châm *chất lượng và hiệu quả*, góp phần giữ vững ổn định an ninh chính trị, tăng trưởng kinh tế bền vững, hội nhập ngày càng sâu rộng và có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế.

Để đạt được mục tiêu này, lãnh đạo cấp cao hai nước đã nhất trí trước hết tiếp tục củng cố, tăng cường sự gắn bó, tin cậy và phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trong những vấn đề có tính chiến lược giữa hai Đảng, hai nước; duy trì các cuộc gặp cấp cao truyền thống. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục bằng nhiều hình thức phong phú, hiệu quả và thiết thực về mối quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam- Lào cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân hai nước, đặc biệt là thế hệ thanh thiếu niên hôm nay và mai sau.

BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG